

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2024/DS-ST

Ngày: 25/9/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiêm

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Thắng.

Ông Huỳnh Đạt Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2024/TLST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 475/2024/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty BV. Địa chỉ trụ sở chính: 142/1 Liên khu 4-5, phường BHH B, Quận BT, Thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Hoàng N, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968, chức vụ: Trưởng phòng nhân sự. Địa chỉ chi nhánh Sóc Trăng: Số 743 LD, khóm B, phường T, thành phố S, tỉnh S (có mặt).

- Bị đơn: Công ty H. Địa chỉ trụ sở chính: Số 331 đường BĐ, khóm S, phường C, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/05/2024 của nguyên đơn Công ty BV, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Công ty H do ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Giám đốc đã ký hợp đồng với Công ty BV do ông Nguyễn Hoàng N, chức vụ tổng giám đốc theo hợp đồng số 009/HĐBV/2024, ngày 02/02/2024. Hợp đồng đã ký giữa hai bên như sau:

Tổng số nhân viên trực là 04 nhân viên/ 02 mục tiêu

Mục tiêu 1: Địa chỉ đường Đồng Khởi, khóm 2, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, số nhân viên trực 02 nhân viên/01 ngày, thời gian trực là 24 giờ/ngày, số tiền trực 18.000 đồng/01 giờ.

Phí dịch vụ tháng 02/2024 (từ ngày 03/02/2024 đến hết ngày 29/02/2024) là 27 ngày. Trong đó (22 ngày trực thường (22 ngày x 24 giờ x 18.000 đồng = 9.540.000 đồng); ngày lễ tết nguyên đán x 3 (05 ngày x 3 x 24 giờ x 18.000 đồng = 6.480.000 đồng). Tổng cộng số tiền tháng 2/2024 là 15.984.000 đồng.

Phí dịch vụ tháng 03/2024 (từ ngày 01/3/2024 đến hết ngày 29/3/2024) là 29 ngày x 24 giờ x 18.000 đồng với số tiền 12.528.000 đồng. Tổng cộng số tiền dịch vụ tháng 3 là 12.528.000 đồng. Tổng cộng phí dịch vụ tại mục tiêu 1 số tiền chưa thanh toán là 28.512.000 đồng.

Mục tiêu 2: Địa chỉ Số 331, đường Bạch Đằng, khóm 6, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tổng nhân viên trực 02 nhân viên/ngày, thời gian trực là 24 giờ/ngày, số tiền trực 18.000 đồng/giờ.

Phí dịch vụ tháng 02/2024 (từ ngày 03/02/2024 đến hết ngày 29/02/2024) là 27 ngày. Trong đó (22 ngày trực thường (22 ngày x 24 giờ x 18.000 đồng = 9.540.000 đồng); ngày lễ tết nguyên đán x 3 (05 ngày x 3 x 24 giờ x 18.000 đồng = 6.480.000 đồng). Tổng cộng số tiền tháng 2/2024 là 15.984.000 đồng.

Phí dịch vụ tháng 03/2024 (từ ngày 01/3/2024 đến hết ngày 29/3/2024) là 29 ngày x 24 giờ x 18.000 đồng với số tiền 12.528.000 đồng. Tổng cộng số tiền dịch vụ tháng 3 là 12.528.000 đồng. Tổng cộng phí dịch vụ tại mục tiêu 2 số tiền chưa thanh toán là 28.512.000 đồng.

Tổng cộng phí dịch vụ tại 2 mục tiêu chưa thanh toán là: 57.024.000 đồng.

Theo thỏa thuận hai bên ký hợp đồng thì bên Công ty H đã có hành vi vi phạm hợp đồng theo Điều 9 về việc chấm dứt hợp đồng. Tổng số tiền Công ty H phải bồi thường cho Công ty BV đã ký từ ngày 29/3/2024 đến ngày 03/8/2024 là 124 ngày (18.000 đồng/giờ theo hợp đồng) với số tiền là 124 ngày x 24 giờ x 18.000 đồng = 54.000.000 đồng. Công ty BV đã gọi và đến tận công ty nhắc nhở nhưng Công ty H vẫn không

thanh toán.

Nay Công ty BV yêu cầu Tòa giải quyết: Buộc Công ty H thanh toán phí dịch vụ bảo vệ đã ký với tổng số tiền 111.024.000 đồng (Trong đó: phí dịch vụ tại 2 mục tiêu 57.024.000 đồng và phí bồi thường hợp đồng là 54.000.000 đồng).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu trong đơn khởi kiện ngày 06/5/2024. Công ty BV chỉ yêu cầu Công ty H thanh toán phí dịch vụ bảo vệ đã ký tại 2 mục tiêu số tiền 57.024.000 đồng, không yêu cầu phí bồi thường hợp đồng số tiền là 54.000.000 đồng.

Đối với bị đơn Công ty H: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì. Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng Công ty H không gửi văn bản cho Tòa án biết về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty H cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2024 nguyên đơn Công ty BV ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi bị đơn có địa chỉ trụ sở chính là số 331 đường Bạch Đằng, khóm 6, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[1.2] Công ty H người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bê tông ST Thơ Huy Hoàng.

[1.3] Tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc chỉ yêu cầu Công ty H thanh toán phí dịch vụ bảo vệ đã ký tại 2 mục tiêu số tiền 57.024.000 đồng, không yêu cầu Công ty H trả phí bồi thường hợp đồng số tiền là 54.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Công ty BV và Công ty H có giao kết hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 009/HĐBV/2024 ngày 02/02/2024, kèm phụ lục hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 009/HĐBV/2024 ngày 02/02/2024.

[2.2.] Xét về tính hợp pháp của hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 009/HĐBV/2024 ngày 02/02/2024 các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp theo quy định tại Điều 117, Điều 401 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty H thanh toán phí dịch vụ bảo vệ đã ký tại 2 mục tiêu số tiền là 57.024.000 đồng. Thấy rằng, tại hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 009/HĐBV/2024 ngày 02/02/2024 thể hiện bên A là Công ty H và bên B là Công ty BV thỏa thuận các điều khoản trong nội dung hợp đồng như sau: Bên A đồng ý để bên B cung cấp nhân sự để bảo vệ cho bên A tại địa điểm Đường Đồng Khởi, khóm 2, phường 1, thị xã Vĩnh Châu (sau đây gọi là mục tiêu 01); giá trị hợp đồng số giờ 24^h/24^h; thời gian làm việc từ 06^h đến 06^h hôm sau; 01 vị trí (02 nhân viên); phí dịch vụ 12.960.000 đồng/30 ngày, 18.000 đồng/giờ; thời hạn hợp đồng 06 tháng (từ ngày 03/02/2024 đến ngày 03/08/2024); phương thức thanh toán theo từng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Bên B có chức năng, ngành nghề đã được cơ quan quản lý Nhà nước cho phép và khả năng thực tế của mình đồng ý cung cấp dịch vụ bảo vệ cho bên A theo yêu cầu hai bên thỏa thuận nhằm đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn tài sản tại mục tiêu và còn các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng; phụ lục hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 009/HĐBV/2024 ngày 02/02/2024 cùng thống nhất hợp đồng dịch vụ thêm điều khoản như sau: Bên B bố trí thêm 01 vị trí 24^h/24^h và tại địa điểm số 331 đường Bạch Đằng, khóm 6, phường 9, thành phố Sóc Trăng (sau đây gọi là mục tiêu 02); phí dịch vụ 12.960.000 đồng/30 ngày, 18.000 đồng/giờ; thời hạn hợp đồng 03 tháng (từ ngày 03/02/2024 đến ngày 03/05/2024).

[2.4] Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H đã vi phạm vào khoản 4.2 Điều 4 của hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 009/HĐBV/2024 ngày 02/02/2024 không thanh toán cho Công ty BV tại mục tiêu 01 (địa điểm Đường Đồng Khởi, khóm 2, phường 1, thị xã Vĩnh Châu) phí dịch vụ tháng 02/2024 (từ ngày 03/02/2024 đến hết ngày 29/02/2024) là 27 ngày. Trong đó (22 ngày trực thường (22 ngày x 24 giờ x 18.000 đồng = 9.540.000 đồng)); ngày lễ tết nguyên đán x 3 (05 ngày x 3 x 24 giờ x 18.000 đồng = 6.480.000 đồng). Tổng cộng số tiền tháng 2/2024 là 15.984.000 đồng; Phí dịch vụ tháng 03/2024 (từ ngày 01/3/2024 đến hết ngày 29/3/2024) là 29 ngày x 24 giờ x 18.000 đồng với số tiền 12.528.000 đồng. Tổng cộng số tiền phí dịch vụ tháng 2 và tháng 3 là 28.512.000 đồng. Tại mục tiêu 02 (địa điểm số 331 đường Bạch Đằng, khóm 6, phường 9, thành phố Sóc Trăng) Phí dịch vụ tháng 02/2024 (từ ngày 03/02/2024 đến hết ngày 29/02/2024) là 27 ngày. Trong đó (22 ngày trực thường (22 ngày x 24 giờ x 18.000 đồng = 9.540.000 đồng)); ngày lễ tết nguyên đán x 3 (05 ngày x 3 x 24 giờ x 18.000 đồng = 6.480.000 đồng). Tổng cộng số tiền tháng 2/2024 là 15.984.000 đồng; Phí dịch vụ tháng 03/2024 (từ ngày 01/3/2024 đến hết ngày 29/3/2024) là 29 ngày x 24 giờ x 18.000 đồng với số tiền 12.528.000 đồng. Tổng cộng phí dịch vụ tại mục tiêu 2 số tiền chưa thanh toán là 28.512.000 đồng. Tổng cộng phí dịch vụ tại 2 mục tiêu chưa thanh toán là: **57.024.000 đồng**.

[2.5] Tại biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ngày 29/3/2024 giữa Công ty H và Công ty BV thỏa thuận chấm dứt hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 009/HĐBV/2024 ngày 02/02/2024 và đối chiếu công nợ Công ty H phải có nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ cho Công ty BV tổng số tiền 57.024.000 đồng hai bên cùng nhau ký xác nhận và đồng ý chấm dứt hợp đồng. Theo thỏa thuận tại Điều 9 của Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 009/HĐBV/2024 ngày 02/02/2024 Công ty BV được quyền chấm dứt hợp đồng khi một trong hai bên vi phạm hợp đồng và không thanh toán phí dịch vụ. Căn cứ vào Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015 Công ty BV yêu cầu Công ty H thanh toán phí dịch vụ với tổng số tiền **57.024.000 đồng là có căn cứ**. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Tại Công văn số 285/PĐKKD ngày 10/7/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng xác định người đại diện theo pháp luật của Công ty H là ông Nguyễn Văn T – Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc, tình trạng pháp lý của công ty vẫn đang hoạt động.

[2.7] Như đã phân tích nêu trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 468; Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty BV.

Buộc Công ty H phải thanh toán phí dịch vụ cho Công ty BV với số tiền **57.024.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn đồng).**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty BV không phải chịu. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty BV số tiền là 2.775.000 đồng theo biên lai thu số 0001746 ngày 16/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn Công ty H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.851.200 đồng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Bích Khiêm